

**GIỮA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA
ÁCMÊNIA VỀ KHUYẾN KHÍCH
VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ NGÀY 13 THÁNG 12 NĂM 1992**

Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ cộng hoà ácmênia sau đây gọi là các Bên ký kết.

Mong muốn củng cố sự hợp tác kinh tế cùng có lợi giữa hai nước;

Nhằm tạo ra và bảo đảm những điều kiện thuận lợi cho các đầu tư của các nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia;

Nhận thấy sự cần thiết phải khuyến khích và bảo hộ đầu tư với mục đích thúc đẩy sự phát triển kinh tế của hai nước;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

Định nghĩa

Với mục đích của Hiệp định này và có tính tới những quy định của Điều 2 Hiệp định này:

1. Thuật ngữ "nhà đầu tư" đối với mỗi Bên ký kết có nghĩa là:

a. Những thể nhân được công nhận là công dân theo pháp luật của Bên ký kết đó.

b. Những pháp nhân bao gồm công ty, liên hợp, xí nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức khác được thành lập phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó và có trụ sở của mình, cũng như tiến hành hoạt động kinh tế thực sự trên lãnh thổ của Bên ký kết đó.

c. Những xí nghiệp có tư cách pháp nhân được thành lập phù hợp với pháp luật của một trong trong các nước, do các công dân của Bên ký kết đó kiểm soát một cách gián tiếp hoặc trực tiếp, hoặc do các pháp nhân tiến hành hoạt động kinh tế thực sự trên lãnh thổ của Bên ký kết đó.

2. Thuật ngữ "đầu tư" bao gồm tất cả các loại giá trị tài sản, cụ thể là:

a. Động sản, bất động sản và các quyền về tài sản như: thế nợ, thế chấp, cầm cố;

b. Cổ phần và những hình thức tham gia khác vào các công ty, xí nghiệp và các tổ chức khác;

c. Quyền yêu cầu về tiền hoặc những dịch vụ có giá trị kinh tế;

d. Quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp (như bằng phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá hoặc nhãn dịch vụ, tên hãng, chỉ dẫn xuất xứ), bí quyết và bất kỳ những lợi ích và ưu đãi nào liên quan đến hoạt động kinh doanh;

e. Quyền thực hiện các hoạt động kinh tế, kể cả quyền thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên thiên nhiên và tất cả những quyền khác theo luật, theo hợp đồng hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với pháp luật của nước mà ở đó đầu tư được thực hiện.

3. Thuật ngữ "thu nhập" có nghĩa là các khoản tiền nhận được do kết quả đầu tư, cụ thể là: lợi nhuận, lãi, thu nhập do sự tăng giá trị của tài sản, lợi tức cổ phần, phí bản quyền và cũng như các khoản trả do việc quản lý giúp đỡ kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật.

4. Thuật ngữ "lãnh thổ" có nghĩa là lãnh thổ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà ácmênia.

5. Thuật ngữ "xí nghiệp" có nghĩa là bất kỳ cơ sở nào được thành lập phù hợp với pháp luật của các Bên ký kết; không phụ thuộc là nó được thành lập với mục đích có thu nhập hoặc thuộc sở hữu tư nhân hay sở hữu Nhà nước, do tư nhân hay Nhà nước quản lý.

Điều 2

Phạm vi áp dụng Hiệp định

Hiệp định này sẽ được áp dụng đối với những đầu tư kể cả đầu tư gián tiếp, do các nhà đầu tư của một Bên ký kết tiến hành trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, với điều kiện đầu tư đó được tiến hành phù hợp với pháp luật của Bên ký kết tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư có quyền thực hiện đầu tư phù hợp với pháp luật của nước mình. Thuật ngữ "đầu tư gián tiếp" được hiểu là những đầu tư được thực hiện bởi các pháp nhân được thành lập phù hợp với pháp luật của bất kỳ nước nào, mà ở đó nhà đầu tư của một trong các Bên ký kết tham gia chủ yếu.

Điều 3

Cho phép và bảo hộ đầu tư

1. Mỗi Bên ký kết sẽ tạo ra và bảo đảm trên lãnh thổ của mình những điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia và cho phép tiến hành đầu tư phù hợp với pháp luật của mình.

2. Mỗi Bên ký kết sẽ bảo đảm trên lãnh thổ của mình cho những đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật của mình. Mỗi Bên ký kết sẽ thúc đẩy việc thực hiện, hoạt động, quản lý, giữ gìn, sử dụng, sở hữu, mở rộng và triển khai những đầu tư đó.

Điều 4

Chế độ đầu tư

1. Mỗi Bên ký kết sẽ bảo đảm trên lãnh thổ của mình một chế độ đầu tư hợp lý và công bằng cho nhà đầu tư Bên ký kết kia.

2. Mỗi Bên ký kết sẽ tạo cho Bên ký kết kia một chế độ thuận lợi nhất, cụ thể là: không một Bên ký kết nào được áp dụng đối với những đầu tư của các nhà đầu tư Bên ký kết kia thực hiện trên lãnh thổ mình một chế độ kém thuận lợi hơn so với những đầu tư của nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào. Những xí nghiệp liên doanh có các nhà đầu tư của hai Bên ký kết tham gia sẽ không áp dụng những điều kiện kém thuận lợi hơn so với những điều kiện của các xí nghiệp liên doanh có sự tham gia của bất kỳ nhà đầu tư của nước thứ ba nào.

3. Trách nhiệm bảo đảm chế độ thuận lợi nhất theo khoản 2 của Điều này không liên quan đến những ưu đãi do một Bên ký kết được hưởng trên cơ sở Hiệp định về việc thành lập khu vực thương mại tự do, liên minh thuế quan hoặc kinh tế hoặc tổ chức tương trợ kinh tế, bao gồm cả các Hiệp định quốc tế mà có hiệu lực trước thời điểm ký Hiệp định này có quy định ưu đãi tương tự như ưu đãi đối với các tổ chức tương trợ kinh tế.

4. Để không gây phương hại đến luật pháp của mình về những vấn đề đầu tư nước ngoài trong giai đoạn thực hiện đầu tư và không gây phương hại đến những điều kiện đầu tư phát sinh từ luật đó, mỗi Bên ký kết sẽ kiểm chế việc áp dụng những biện pháp phân biệt đối xử đối với đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia, kể cả các xí nghiệp liên doanh có tham gia của nhà đầu tư của cả hai Bên ký kết. Những biện pháp đó bao gồm cả những hạn chế và ngăn cản không hợp pháp hên quan đến việc sử dụng tư liệu sản xuất, hoặc mua bán, vận chuyển, tiếp thị, bán hàng hoá và dịch vụ.

Điều 5

Chuyển các khoản liên quan đến đầu tư

Mỗi Bên ký kết sẽ đảm bảo cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia đang tiến hành những đầu tư trên lãnh thổ của mình được chuyển không có sự cản trở các khoản liên quan đến những đầu tư đó, cụ thể là:

- a. Thu nhập;
- b. Số tiền để trả nợ;
- c. Vốn bổ sung cần thiết để duy trì và mở rộng đầu tư;
- d. Các khoản thanh toán phát sinh từ tranh chấp về đầu tư;
- e. Số tiền thu từ thanh lý một phần hoặc toàn bộ hoặc bán những đầu tư, kể cả sự tăng vốn.

2. Nếu giữa các nhà đầu tư và Bên ký kết tương ứng không quy định gì khác thì việc chuyển được thực hiện theo tỷ giá hối đoái vào ngày chuyển và phù hợp với những quy định quản lý ngoại hối của Bên ký kết mà trên lãnh thổ của Bên đó đầu tư được thực hiện.

Điều 6

Trưng thu và bồi thường

1. Không một Bên ký kết nào được áp dụng các biện pháp tịch thu, quốc hữu hoá hoặc các biện pháp khác có tính chất và hậu quả tương tự đối với đầu tư của các nhà đầu tư Bên ký kết kia, trừ trường hợp khi các biện pháp đó được áp dụng vì lợi ích quốc gia trên cơ sở không phân biệt đối xử và theo trình tự pháp luật và phải bồi thường một cách có hiệu quả và tương ứng. Việc bồi thường sẽ được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi và được tự do chuyển và trả không chậm trễ.

2. Những nhà đầu tư của một Bên ký kết có đầu tư bị thiệt hại do chiến tranh hoặc bất kỳ xung đột vũ trang nào khác, bạo loạn, tình trạng khẩn cấp hoặc bất kỳ tình trạng tương tự nào xảy ra trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, sẽ được áp dụng chế độ quy định tại Điều 4, Hiệp định này về việc khôi phục tài sản, hoàn trả, bồi thường và những hình thức bồi thường khác.

3. Trong trường hợp đầu tư gián tiếp như đã quy định tại Điều 2 Hiệp định này, mỗi Bên ký kết theo Hiệp định này chỉ bồi thường cho nhà đầu tư Bên ký kết kia phần tài chính tham gia tương ứng của nhà đầu tư đó trong pháp nhân được nêu tại Điều 2 Hiệp định này.

4. Việc tịch thu tài sản liên quan đến đầu tư nước ngoài được áp dụng theo quyết định của Toà án như là biện pháp trừng phạt do vi phạm pháp luật đã được chứng minh ở Cộng hoà ácmênia và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì sẽ không phải bồi thường.

Điều 7

Thế quyền

Nếu một Bên ký kết bảo đảm việc bảo hiểm tài chính do những rủi ro phi thương mại (chiến tranh và xung đột vũ trang, cách mạng, tình trạng khẩn cấp, bạo loạn, rối loạn trật tự và tình trạng tương tự) cho những đầu tư của các nhà đầu tư của mình trên lãnh thổ Bên ký kết kia và việc thanh toán được tiến hành phù hợp với sự bảo hiểm trên, thì Bên ký kết kia trên cơ sở thế quyền công nhận việc chuyển quyền

Điều 8

Tranh chấp giữa nhà đầu tư và Bên ký kết

1. Với mục đích giải quyết những tranh chấp giữa một Bên ký kết và nhà đầu tư của Bên ký kết kia liên quan đến đầu tư và không làm ảnh hưởng đến Điều 9 Hiệp định này, thì sẽ được tiến hành bằng thương lượng giữa các Bên tranh chấp.

2. Nếu việc thương lượng như vậy không giải quyết được tranh chấp trong vòng 6 tháng kể từ thời điểm thông báo bằng văn bản về việc thương lượng, thì các Bên tranh chấp sẽ tiến hành theo cách sau:

a. Tranh chấp do hậu quả của việc không thực hiện hoặc thực hiện không thoả đáng những nghĩa vụ về việc không cản trở sự chuyển tiền như quy định ở Điều 5 Hiệp định này, và việc tranh chấp do trình tự và quy mô bồi thường liên quan đến việc trưng thu như đã quy định tại Điều 6 Hiệp định này, thì theo sáng kiến của bất kỳ Bên tranh chấp nào sẽ đưa ra Toà án trọng tài;

b. Những tranh chấp về các vấn đề khác không quy định ở mục a Khoản 2 của Điều này, có thể được chuyển cho Toà án trọng tài chỉ với sự đồng ý của cả hai Bên tranh chấp.

3. Toà án trọng tài được thành lập cho từng trường hợp cụ thể. Nếu các Bên tranh chấp không thoả thuận khác, thì mỗi Bên tranh chấp sẽ chỉ định một thành viên của Toà án trọng tài. Hai thành viên này sẽ chỉ định một công dân của nước thứ ba làm Chủ tịch Toà án. Các thành viên của Toà án được chỉ định trong vòng hai tháng kể từ thời điểm nhận được yêu cầu về thành lập Toà án trọng tài, còn Chủ tịch Toà án được chỉ định trong vòng hai tháng tiếp sau đó.

4. Nếu thời hạn nêu tại Khoản 3 Điều này không được tuân thủ, và không có sự thoả thuận nào khác, thì mỗi Bên tranh chấp có thể đề nghị Chủ tịch Toà án Quốc tế thực hiện sự chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch không thể thực hiện chức năng trên hoặc là công dân của một trong các Bên ký kết, thì các Bên sẽ áp dụng những quy định mutatis mutandis của Khoản 5 Điều 9 Hiệp định này.

5. Nếu các Bên tranh chấp không thoả thuận khác, thì Toà án trọng tài sẽ quy định những thủ tục của mình. Quyết định của Toà án trọng tài là cuối cùng và bắt buộc đối với các Bên tranh chấp. Mỗi Bên ký kết bảo đảm việc công nhận và thực hiện quyết định của Toà án trọng tài.

6. Mỗi Bên tranh chấp sẽ chịu chi phí liên quan đến hoạt động của thành viên của mình và đại diện của mình trong quá trình tố tụng; những chi phí liên quan đến hoạt động của Chủ tịch Toà án và các chi phí khác, các Bên cùng chịu bằng nhau. Tuy nhiên với quyết định của mình Toà án có thể quy định một tỷ lệ khác phân chia chi phí giữa các Bên, và quyết định đó là bắt buộc đối với cả hai Bên.

7. Bên ký kết là một bên của vụ tranh chấp, trong quá trình tố tụng hoặc thực hiện các quyết định của Toà án sẽ không chỉ dẫn đến việc nhà đầu tư của Bên ký kết kia đã nhận bồi thường một phần hoặc toàn bộ phần bị thiệt hại trên cơ sở hợp đồng bảo hiểm.

Điều 9

Tranh chấp giữa các Bên ký kết

1. Tranh chấp giữa các Bên ký kết liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng các quy định của Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

2. Nếu các Bên ký kết không thể đạt được sự thoả thuận trong vòng 12 tháng kể từ khi phát sinh tranh chấp, thì theo yêu cầu của bất kỳ Bên ký kết nào sẽ đưa vụ tranh chấp ra Toà án trọng tài gồm ba thành viên. Mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên và hai thành viên này sẽ chỉ định một công dân của nước thứ ba làm Chủ tịch Toà án.

3. Nếu một Bên ký kết không chỉ định được thành viên của mình và không thông báo cho Bên ký kết kia về việc chỉ định đó trong vòng 2 tháng, thì theo yêu cầu của Bên ký kết kia, Chủ tịch Toà án Quốc tế sẽ chỉ định thành viên của Toà án trọng tài. .

4. Nếu hai thành viên của Toà án trọng tài không thể bầu Chủ tịch Toà án trong vòng 2 tháng kể từ khi họ được chỉ định thì theo yêu cầu của bất kỳ Bên ký kết nào, Chủ tịch Toà án Quốc tế sẽ chỉ định Chủ tịch Toà án trọng tài. .

5. Nếu các trường hợp được quy định tại điểm 3, điểm 4 Điều này Chủ tịch Toà án Quốc tế không thể thực hiện chức năng trên hoặc là công dân của một trong các Bên ký kết, thì việc chỉ định sẽ do Phó Chủ tịch Toà án Quốc tế tiến hành. Nếu Phó Chủ tịch cũng không thể thực hiện chức năng trên hoặc là công dân của một trong các Bên ký kết, thì việc chỉ định sẽ do thành viên có chức vụ cao nhất tiếp theo của Toà án Quốc tế mà không phải là công dân của một trong các Bên ký kết.

6. Nếu các Bên ký kết không thoả thuận khác, thì Toà án trọng tài sẽ quy định những thủ tục của mình.

7. Các quyết định của Toà án trọng tài là cuối cùng và bắt buộc đối với các Bên ký kết.

Điều 10

Những nghĩa vụ khác

1. Mỗi Bên ký kết sẽ tuân thủ những nghĩa vụ mà mỗi Bên đã công nhận đối với những đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia.

2. Không một quy định nào của Hiệp định này sẽ hạn chế quyền lợi và ưu đãi đối với các đầu tư trên cơ sở luật quốc gia của Bên ký kết mà ở đó đang tiến hành đầu tư hoặc trên cơ sở của bất kỳ một Hiệp định Quốc tế nào mà cả hai Bên ký kết tham gia.

Điều 11

Điều khoản cuối cùng

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày khi hai Bên ký kết thông báo cho nhau bằng văn bản về việc hoàn thành những thủ tục hiến pháp của mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong vòng 15 năm. Nếu việc thông báo bằng văn bản việc chấm dứt Hiệp định này không được đưa ra ít nhất là 6 tháng trước khi hết hạn, thì Hiệp định này sẽ được mặc nhiên kéo dài thêm một thời hạn là 5 năm và cứ tiếp tục như vậy.

2. Trong trường hợp chấm dứt Hiệp định, thì các quy định từ điều 1 đến Điều 10 vẫn có hiệu lực trong vòng 15 năm tiếp theo đối với những đầu tư được thực hiện trước ngày Hiệp định này hết hiệu lực.

Làm tại Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 1992 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng ácmênia, các bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về việc giải thích Hiệp định này, các Bên sẽ kiểm tra quan điểm của mình trên cơ sở bản tiếng Nga được đính kèm.